CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **315**/NQ-ĐHĐCĐ-CSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 26/4/2021;

Căn cứ Biên bản họp số 05/BB-ĐHĐCĐ-CSG tại kỳ họp thường niên năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn vào ngày 26 tháng 5 năm 2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn.

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn.

Điều 3: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn, với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
I. CÔNG TY MẸ				
Sản lượng	*TTQ*	10.800.000	9.175.333	85%
	Teus	180.000	132.651	74%
Doanh thu	*Triệu đồng*	1.260.000	958.828	76%
Lợi nhuận	*Triệu đồng*	353.000	234.616	66%
II. CÔNG TY HỢP NHẤT				
Doanh thu	*Triệu đồng*	1.290.357	1.177.259	91%
Lợi nhuận	*Triệu đồng*	382.046	241.003	63%

2. Kế hoạch năm 2023:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch Năm 2023	Tỷ lệ (%)
I. CÔNG TY MẸ				
Sản lượng	*TTQ*	9.175.333	10.000.000	109%
	Teus	132.651	170.000	128%
Doanh thu	*Triệu đồng*	955.828	1.050.000	110%
Lợi nhuận	*Triệu đồng*	235.616	540.000	230%
II. CÔNG TY HỢP NHẤT				
Sản lượng	*TTQ*	9.175.333	10.000.000	109%
Tổng Doanh thu	*Triệu đồng*	1.177.259	1.250.000	106,5%
Lợi nhuận	*Triệu đồng*	241.003	555.000	230%

3. Về cổ tức năm 2023:

Mức chia cổ tức dự kiến năm 2023 là 6%/vốn điều lệ. Tỷ lệ chia cổ tức thực hiện năm 2023 sẽ căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn.

Điều 4: Thông qua kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị và xây dựng năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn như sau:

ĐVT: triệu đồng

Số tt	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2023		Tổng cộng
		Đầu tư	Sửa chữa	
1	Phương tiện thiết bị	32.500	60.906	93.406
2	Đầu tư xây dựng	8.092	77.438	85,530
	Tổng cộng toàn cảng	**40.592**	**138.344**	**178.936**

Riêng đối với các hạng mục sửa chữa, cải tạo tòa nhà văn phòng điều hành Cảng Sài Gòn số 03 và tòa nhà số 5 Nguyễn Tất Thành, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ủy quyền Hội đồng quản trị phê duyệt chi tiết từng hạng mục theo đề xuất của Tờ trình số 276/TTr-HĐQT ngày 04/5/2023 và phù hợp với quy hoạch của TP.HCM.

Điều 5: Thông qua Báo cáo tài chính (riêng, hợp nhất) năm 2022 đã kiểm toán, cụ thể:

1. Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã kiểm toán:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán:

a) Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
A	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)**	**100**	**1.468.703.991.541**
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	160.935.572.480
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	769.159.726.027
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	398.487.338.579
IV	Hàng tồn kho	140	9.231.117.158
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	130.890.237.297
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)**	**200**	**3.742.745.035.124**
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	1.190.017.881.044
II	Tài sản cố định	220	312.458.386.331
III	Bất động sản đầu tư	230	181.715.831.746
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	72.081.142.558
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1.950.794.808.465
VI	Tài sản dài hạn khác	260	35.676.984.980
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**	**5.211.449.026.665**
A	**NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)**	**300**	**2.397.074.921.345**
I	Nợ ngắn hạn	310	521.277.388.288
II	Nợ dài hạn	330	1.875.797.533.057
B	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)**	**400**	**2.814.374.105.320**
I	Vốn chủ sở hữu	410	2.814.374.105.320
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	2.162.949.610.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	68.090.483.605
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	583.334.011.715
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**	**5.211.449.026.665**

b) Báo cáo kết quả kinh doanh

1	**Tổng doanh thu và thu nhập khác**	**958.827.760.794**
1.1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	896.635.258.624
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	52.226.469.834
1.3	Thu nhập khác	9.966.033.136
2	**Tổng chi phí**	**724.211.556.675**
2.1	Giá vốn hàng bán	554.598.771.337
2.2	Chi phí tài chính	-41.936.794.500
2.3	Chi phí bán hàng	
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	202.313.199.927

2.5	Chi phí khác	9.236.380.711
3	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**234.616.204.119**
4	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**45.815.760.470**
5	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**80.743.831**
6	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**188.719.699.818**

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán:

a) Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
A	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)**	**100**	**1.695.327.819.471**
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	202.260.132.030
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	853.294.683.105
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	437.169.222.297
IV	Hàng tồn kho	140	20.171.819.319
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	182.431.962.720
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)**	**200**	**3.701.038.443.170**
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	391.944.050.761
II	Tài sản cố định	220	1.635.823.584.259
III	Bất động sản đầu tư	230	181.715.831.746
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	387.296.962.860
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1.066.959.577.500
VI	Tài sản dài hạn khác	260	37.298.436.044
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		**5.396.366.262.641**
A	**NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)**	**300**	**2.709.199.038.617**
I	Nợ ngắn hạn	310	563.898.126.138
II	Nợ dài hạn	330	2.145.300.912.479
B	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)**	**400**	**2.687.167.224.024**
I	Vốn chủ sở hữu	410	2.687.167.224.024
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	2.162.949.610.000
2	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(2.074.575.373)
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	18.136.477.566
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	70.597.161.895
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	284.092.567.445
5	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	153.465.982.491
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**	**5.396.366.262.641**

b) Báo cáo kết quả kinh doanh:

1	**Tổng doanh thu và thu nhập khác**	**1.177.259.151.143**
1.1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.112.481.083.695

1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	54.563.064.820
1.3	Thu nhập khác	10.215.002.628
2	**Tổng chi phí**	**989.532.769.519**
2.1	Giá vốn hàng bán	736.358.551.246
2.2	Chi phí tài chính	17.188.743.040
2.3	Chi phí bán hàng	
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	226.554.685.119
2.5	Chi phí khác	9.430.790.114
3	**Lãi lỗ trong liên doanh, liên kết**	**53.276.362.510**
4	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**241.002.744.134**
5	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**49.142.845.980**
6	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**(11.740.486.935)**
7	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**203.600.385.089**
7.1	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	199.649.054.071
7.2	Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	3.951.331.018

Điều 6: Về việc trích lập, phân phối và sử dụng các quỹ năm 2022, việc chi trả cổ tức năm 2022:

Đồng ý phê duyệt việc trích lập, phân phối và sử dụng các quỹ năm 2022, việc chi trả cổ tức năm 2022 như sau:

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Số tiền	Tỷ lệ/LNST (%)
1. Lợi nhuận sau thuế năm	**188.719.699.818**	
2. Điều chỉnh LNST (không phân phối)		
3. Phân phối các quỹ:	**85.439.864.918**	**45,3**
3.1. Quỹ ĐTPT	56.615.909.945	30,0
3.2. Quỹ khen thưởng	9.435.984.991	5,0
3.3. Quỹ phúc lợi	18.871.969.982	10,0
3.3. Quỹ thưởng Ban QLĐH	516.000.000	0,3
4. LNST còn lại sau khi phân phối các Quỹ (4=1+2-3)	**103.279.834.900**	
5. LNST các năm trước để lại được chưa chia	394.614.311.897	
6. Tổng số tiền chia cổ tức	**129.776.976.600**	**68,77**
Tỷ lệ chia cổ tức/ VĐL (%)	*6,0*	
Vốn điều lệ	*2.162.949.610.000*	
7. Lợi nhuận sau thuế để lại chưa phân phối (7=4+5-6)	**368.117.170.197**	

Điều 7: Về việc phê duyệt kết quả thực hiện Quỹ tiền lương, thù lao năm 2022 và kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 của người quản lý Công ty, như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022:

a) Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của người quản lý chuyên trách (Từ tháng 01/2022 - 04/2022 là 04 người, gồm: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc, 01 thành viên chuyên trách HĐQT và 01 thành viên Ban kiểm soát; từ tháng 5/2022 - 12/2022 là 05 người, gồm: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Phó chủ tịch HĐQT và 03 thành viên chuyên trách HĐQT) là: **3.933.907.890 đồng**. Trong đó:

b) Quỹ thù lao thực hiện năm 2022 của người quản lý không chuyên trách (từ tháng 1/2022 - 3/2022 là 09 người, gồm: 07 thành viên HĐQT, 01 Trưởng ban Kiểm soát, 01 thành viên Ban Kiểm soát; Tháng 4/2022 là 08 người, gồm: 06 thành viên HĐQT, 01 Trưởng ban Kiểm soát, 01 thành viên Ban Kiểm soát; từ tháng 5/2022 - 12/2022 là 07 người, gồm: 04 thành viên HĐQT, 01 Trưởng ban Kiểm soát, 02 thành viên Ban Kiểm soát) là **850.000.000 đồng**.

2. Kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2023:

a) Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách (gồm: Chủ tịch HĐQT, 01 Phó chủ tịch HĐQT và 03 thành viên chuyên trách HĐQT) là **4.585.443.038 đồng**.

b) Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách (gồm 04 thành viên HĐQT, 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 Thành viên Ban kiểm soát) là **1.152.000.000 đồng**.

Điều 8: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung và toàn văn dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn để thay thế cho bản Điều lệ Công ty hiện hành trên cơ sở phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Đính kèm Phụ lục 01: nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung và toàn văn dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn; dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn để thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn hiện hành.

- Đính kèm Phụ lục 02: nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn.

- Đính kèm Phụ lục 03: nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn.

Điều 10. Về việc ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để soát xét các báo cáo tài chính năm 2023:

1. Thông qua các tiêu chí lựa chọn theo đề nghị của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại Tờ trình số 280/TTr-BKS ngày 05/4/2023.

2. Đồng ý ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn xem xét lựa chọn một đơn vị kiểm toán độc lập phù hợp với các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều này để soát xét báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn.

Điều 11. Về việc công tác nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn như sau:

1. Công tác nhân sự Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn:

a) Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đối với các ông (bà): Hồ Lương Quân, Phạm Trường Giang và Nguyễn Quốc Giang.

b) Phê duyệt số lượng Thành viên Hội đồng quản trị được bầu thay thế là 03 người.

c) Bầu các ông (bà): Phan Tuấn Linh, Đỗ Thị Thanh Thủy và Hồ Thị Thu Hiền tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn.

2. Công tác nhân sự Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn:

a) Miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đối với các bà Dương Thị Thu Thủy.

b) Phê duyệt số lượng Thành viên Ban kiểm soát được bầu thay thế là 01 người.

c) Bầu bà Chu Thị Nga tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn.

Điều 12. Hiệu lực Nghị quyết

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty, các cổ đông và phù hợp với Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật.

3. Nghị quyết này bao gồm 12 điều, 13 trang đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn nhất trí thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2023 vào ngày 26 tháng 5 năm 2023./.

***Nơi nhận*:**
- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Các phòng, chi nhánh, đơn vị trực thuộc CSG;
- Công đoàn và các đoàn thể của CSG;
- Các cổ đông của CSG (đăng website của CSG);
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0300... CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN QUẬN 4 - T.P HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Văn Cường

PHỤ LỤC 01: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 315/NQ-ĐHĐCĐ-CSG ngày 26/5/2023)

TT	Điều, khoản trong Điều lệ đề xuất sửa đổi, bổ sung	Nội dung sửa đổi, bổ sung
01	**+ Khoản 2 Điều 3:** "2. Công ty có 03 người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (hoặc người được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ điều hành Công ty). Việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định và được thông báo bằng văn bản cho các bên liên quan của Công ty." **+ Khoản 6 Điều 3:** "6. Trường hợp Công ty chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam và người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày hoặc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam không quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều này, hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc không còn làm việc cho Công ty thì Hội đồng quản trị cử một trong số các thành viên quản lý, điều hành Công ty có mặt tại Việt Nam làm người đại diện theo pháp luật."	**+ Bãi bỏ khoản 6 Điều 3.** **+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:** "2. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Phân chia quyền và nghĩa vụ giữa hai người đại diện theo pháp luật của Công ty như sau: a) Người đại diện theo pháp luật thứ nhất - là Tổng giám đốc của Công ty có các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. b) Người đại diện theo pháp luật thứ hai - là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty có các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty khi Người đại diện theo pháp luật thứ nhất vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc bị Hội đồng quản trị Công ty miễn nhiệm, bãi nhiệm. c) Việc phân chia quyền, nghĩa vụ đại diện nhằm phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ giữa các người đại diện theo pháp luật, phát huy tính chủ động, đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, hạn chế việc chồng chéo về thẩm quyền trong công tác đại diện của Công ty; không làm thay đổi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. d) Mỗi người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm riêng rẽ đối với thiệt hại gây ra cho Công ty theo quy định pháp luật về dân sự và

	+ Khoản 5 Điều 3: "Khi Công ty chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật lưu trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam trong thời hạn không quá 30 ngày phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam và đang là thành viên quản lý, điều hành Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản này mà người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Hội đồng quản trị cử một trong số các thành viên quản lý, điều hành của Công ty có mặt tại Việt Nam làm người đại diện theo pháp luật của Công ty."	quy định khác của pháp luật có liên quan trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được phân chia theo Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật xác lập giao dịch với bên thứ ba không đúng thẩm quyền quy định của mình phải chịu trách nhiệm cá nhân với Công ty và cơ quan có thẩm quyền về những thiệt hại gây ra trong giao dịch đó. Việc xử lý hậu quả của các giao dịch do người đại diện không đúng thẩm quyền xác lập, thực hiện được thực hiện theo quy định của pháp luật. e) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có vấn đề vướng mắc liên quan đến phạm vi chức danh do người đại diện theo pháp luật đảm nhận theo quy định tại Điều lệ và các quy phạm nội bộ của Công ty thì hai người đại diện theo pháp luật phối hợp với nhau để thực hiện; phải báo cáo thường xuyên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty. f) Trường hợp vì bất kỳ lý do nào có một người không đủ điều kiện làm người đại diện theo pháp luật của Công ty thì người còn lại sẽ đương nhiên thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện không đủ điều kiện và chịu trách nhiệm đối với các giao dịch do mình là đại diện." **+ Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:** "5. Tổng giám đốc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác lưu trú tại Việt Nam và đang là thành viên quản lý, điều hành Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty. Khi Công ty chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật lưu trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam trong thời hạn không quá 30 ngày phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam và đang là thành viên quản lý, điều hành Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Trường hợp

		hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản này mà người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Hội đồng quản trị cử một trong số các thành viên quản lý, điều hành của Công ty có mặt tại Việt Nam làm người đại diện theo pháp luật của Công ty."
02	**+ Khoản 2, 3 Điều 27:** 2. Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này. 3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này:	**+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 27 như sau:** "2. Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này. 3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này:"
03	**+ Điểm i khoản 2 Điều 35 về "Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị":** "i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21, khoản 4 Điều 55 Điều lệ này;".	**+ Bổ sung điểm i khoản 2 Điều 35 về "Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị" như sau:** "i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21, khoản 4 Điều 55 Điều lệ này; *Quyết định các khoản bảo lãnh cho công ty con có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Quyết định đầu tư dự án, mua sắm, sửa chữa, duy tu nạo vét và các khoản chi đột xuất cấp bách phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh ngoài kế hoạch hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;".*
04	**+ Điểm j khoản 4 Điều 37:** "j) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này".	**+ Sửa đổi điểm j khoản 4 Điều 37 như sau:** "j) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Điều lệ này; các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty".

05	**+ Khoản 2 Điều 39 về "Biên bản họp Hội đồng quản trị"** "2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký xác nhận và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực."	**+ Sửa đổi khoản 2 Điều 39 như sau:** "2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan."
06	**+ Điểm e khoản 4 Điều 45 "Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc"** "e) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh, ngân sách hàng năm, kế hoạch trung hạn của Công ty. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty. Quyết định đầu tư, bán tài sản; các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê; hợp đồng kinh doanh thương mại, hợp tác kinh doanh; giao dịch về cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, bồi thường và các hợp đồng giao dịch khác của Công ty theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành hoặc theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị."	**+ Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 4 Điều 45 như sau:** "e) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh, ngân sách hàng năm, kế hoạch trung hạn của Công ty. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty. Quyết định đầu tư, bán tài sản; các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê; hợp đồng kinh doanh thương mại, hợp tác kinh doanh; giao dịch về cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, bồi thường và các hợp đồng giao dịch khác của Công ty theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành hoặc theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trừ trường hợp Tổng giám đốc không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty."

PHỤ LỤC 02: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 315/NQ-ĐHĐCĐ-CSG ngày 26/5/2023)

Stt	*Điều, khoản trong Quy chế đề xuất sửa đổi, bổ sung*	*Nội dung sửa đổi, bổ sung*
01	**+ Khoản 2, 3 Điều 6: Hình thức và điều kiện thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông** "2. Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này. 3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này: …".	**+ Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 6 như sau:** "2. Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này. 3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này: …".
02	**+ Điểm e khoản 4 Điều 15 "Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc"** "e) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh, ngân sách hàng năm, kế hoạch trung hạn của Công ty. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty. Quyết định đầu tư, bán tài sản; các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê; hợp đồng kinh doanh thương mại, hợp tác kinh doanh; giao dịch về cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, bồi thường và các hợp đồng giao dịch khác của Công ty theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành hoặc theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị."	**+ Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 4 Điều 15 như sau:** "e) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh, ngân sách hàng năm, kế hoạch trung hạn của Công ty. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty. Quyết định đầu tư, bán tài sản; các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê; hợp đồng kinh doanh thương mại, hợp tác kinh doanh; giao dịch về cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, bồi thường và các hợp đồng giao dịch khác của Công ty theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành hoặc theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trừ trường hợp Tổng giám đốc không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty."

PHỤ LỤC 03: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 315/NQ-ĐHĐCĐ-CSG ngày 26/5/2023)

Stt	*Điều, khoản trong Quy chế đề xuất sửa đổi, bổ sung*	*Nội dung sửa đổi, bổ sung*
01	**+ Điểm j khoản 4 Điều 9 về "bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị":** "j) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty".	**+ Sửa đổi điểm j khoản 4 Điều 9 như sau:** "j) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Điều lệ Công ty; các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty".
02	**+ Điểm i khoản 2 Điều 10 về "Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị":** "i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21, khoản 4 Điều 55 Điều lệ này;".	**+ Bổ sung điểm i khoản 2 Điều 10 về "Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị" như sau:** "i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21, khoản 4 Điều 55 Điều lệ này; *Quyết định các khoản bảo lãnh cho công ty con có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Quyết định đầu tư dự án, mua sắm, sửa chữa, duy tu nạo vét và các khoản chi đột xuất cấp bách phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh ngoài kế hoạch hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;* ".
03	**+ Khoản 2 Điều 18 về "Biên bản họp Hội đồng quản trị"** "2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực."	**+ Sửa đổi khoản 2 Điều 18 như sau:** "2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan."

Signature Not Verified
Ký bởi: CTy Cổ phần Cảng Sài Gòn
Ký ngày: 29/5/2023 21:37:18